

*

Lai Châu, ngày 28 tháng 12 năm 2022

TRƯỞNG CHÍNH TRỊ T. LAI CHÂU

ĐỀN Số - 1H -
 Ngày 10/01/2023
 Chuyển - B1e TMM -

Số 26-CTr/TU

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW, ngày 10/02/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

Thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW, ngày 10/02/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 11-NQ/TW); Nghị quyết số 96/NQ-CP ngày 01/8/2022 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW của Bộ Chính trị; Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết với những nội dung sau:

I- TÌNH HÌNH VÀ NGUYÊN NHÂN

Sau 17 năm thực hiện Nghị quyết số 37-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa IX về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2020 và Kết luận số 26-KL/TW về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 37-NQ/TW, tỉnh Lai Châu đã đạt được những kết quả quan trọng: Kinh tế phát triển nhanh và khá toàn diện, tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, giai đoạn 2004-2020 bình quân đạt 10,89%/năm; cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực; GRDP bình quân đầu người đạt trên 43 triệu đồng, tăng gấp 16,8 lần; thu ngân sách trên địa bàn tỉnh tăng gấp 64,6 lần. Đến năm 2020, nhiều chỉ tiêu phát triển của tỉnh đạt mức trung bình so với các tỉnh trong khu vực miền núi phía Bắc. Văn hóa, xã hội đạt kết quả tích cực, bản sắc văn hóa tốt đẹp các dân tộc được giữ gìn, bảo tồn và phát huy; chất lượng giáo dục, y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân được nâng lên; tỷ lệ hộ nghèo giảm nhanh. Cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội được ưu tiên đầu tư; diện mạo đô thị, nông thôn đã có nhiều khởi sắc, đời sống vật chất tinh thần của nhân dân được nâng lên. Quốc phòng - an ninh được bảo đảm, trật tự an toàn xã hội được giữ vững, quan hệ đối ngoại được duy trì và phát triển, tạo môi trường thuận lợi thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Tuy nhiên, chất lượng tăng trưởng kinh tế của tỉnh chưa bền vững, quy mô nền kinh tế còn nhỏ, chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế; cơ cấu nông nghiệp chuyên dịch chậm, hiệu quả sản xuất nông nghiệp chưa cao; các cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp quy mô nhỏ, hoạt động hợp tác, liên kết sản xuất còn hạn chế; chất lượng giáo dục không đồng đều giữa các vùng trong tỉnh; chất lượng khám chữa bệnh ở tuyến y tế cơ sở chưa đáp ứng được nhu cầu của nhân dân; giảm nghèo chưa bền vững, tỷ lệ hộ nghèo còn cao, đời sống vật chất, tinh thần một bộ phận nhân dân còn nhiều khó khăn; hạ tầng kinh tế - xã hội còn thiếu và chưa đồng bộ. Cơ chế phối hợp giữa các địa phương trong vùng trung du và miền núi Bắc Bộ còn chưa rõ ràng, chưa thu hút được nguồn lực tạo sự đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội của vùng; nguồn lực đầu tư của Nhà nước theo Nghị quyết số 37-NQ/TW còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết; việc huy động nguồn lực xã hội hóa đầu tư các cơ sở hạ tầng thiết yếu còn thấp; tình hình an ninh trật tự có lúc, có nơi còn diễn biến phức tạp,...

Nguyên nhân chủ yếu của những hạn chế trên là do: Vị trí địa lý của tỉnh nằm xa các trung tâm kinh tế lớn, địa hình chia cắt, hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là mạng lưới giao thông còn yếu kém; kinh tế - xã hội xuất phát điểm thấp, nguồn vốn dành cho đầu tư phát triển còn hạn chế, chủ yếu phụ thuộc vào ngân sách Trung ương; một số cơ chế, chính sách của nhà nước còn bất cập, vướng mắc; cơ chế, chính sách của tỉnh chưa đủ mạnh để tạo sự đột phá trong phát triển kinh tế, thu hút đầu tư vào tỉnh; sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp uỷ, chính quyền có nơi còn chưa quyết liệt; công tác phối hợp giữa các cấp, các ngành có việc thiếu chặt chẽ; đồng bào dân tộc vùng sâu, vùng xa còn tư tưởng sản xuất tự cung tự cấp, chưa quyết tâm vươn lên thoát nghèo; các thế lực thù địch vẫn tiếp tục thực hiện âm mưu "Diễn biến hoà bình", lợi dụng các vấn đề về dân tộc, tôn giáo để lôi kéo, kích động nhân dân gây phức tạp về an ninh trật tự ở một số địa phương, cơ sở.

II- MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung đến năm 2030

Xây dựng Lai Châu phát triển theo hướng xanh, bền vững và toàn diện trên tất cả các mặt kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng, trên cơ sở phát huy sức mạnh của hệ thống chính trị, khối đại đoàn kết các dân tộc, huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực xã hội; chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tích cực; nông nghiệp phát triển theo hướng đa giá trị, ứng dụng công nghệ cao, hữu cơ, đẩy mạnh sản xuất hàng hóa tập trung gắn với xây dựng nông thôn mới, phát triển kinh tế lâm nghiệp bền vững; gia tăng đóng góp của ngành dịch vụ, tập trung phát triển kinh tế biên mậu, phát triển du lịch

gắn với bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc; phát triển công nghiệp năng lượng, khai khoáng, chế biến, mở rộng thị trường xuất khẩu hàng địa phương. Phát triển đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là hạ tầng liên kết vùng. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Tập trung phát triển các lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, xã hội; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân. Mở rộng quan hệ hợp tác, hội nhập quốc tế sâu rộng; đảm bảo quốc phòng, an ninh, giữ vững chủ quyền biên giới quốc gia. Đến năm 2030, phần đầu đưa Lai Châu trở thành tỉnh phát triển trung bình của vùng trung du và miền núi phía Bắc.

2. Một số chỉ tiêu cụ thể đến năm 2030

- *Chỉ tiêu về kinh tế:* Trong giai đoạn 2021-2030, tăng trưởng GRDP đạt khoảng 9-11%/năm; đến năm 2030, GRDP (theo giá hiện hành) đạt khoảng 63.600 tỷ đồng, trong đó nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 10,1%, công nghiệp - xây dựng chiếm 48,5%, dịch vụ chiếm 33,4%, thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 8%; GRDP bình quân đầu người đạt 116,6 triệu đồng/người/năm (giá hiện hành); thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đạt trên 5.000 tỷ đồng; tỷ lệ đô thị hóa đạt 40%; có 70% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó 25% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, có 04 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới; tốc độ tăng tổng kim ngạch xuất nhập khẩu bình quân đạt 13%/năm; tổng lượt khách du lịch năm 2030 đạt khoảng trên 2 triệu lượt người.

- *Chỉ tiêu về xã hội:* Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt khoảng 70%, trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 55%; tỷ lệ nghèo đa chiều giảm 2%-3%/năm. Đạt trên 40 giường bệnh/vạn dân, trên 13 bác sĩ/vạn dân; 100% trạm y tế xã, phường, thị trấn thực hiện dự phòng, quản lý, điều trị một số bệnh không lây nhiễm. Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế đạt trên 95% dân số.

- *Chỉ tiêu về môi trường:* Tỷ lệ che phủ rừng đạt 56%. Tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung đạt 100%; tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 100%. Tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải nguy hại, chất thải y tế đạt 100%, chất thải rắn đô thị đạt 100%; 100% khu công nghiệp, cụm công nghiệp hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn.

3. Tầm nhìn đến năm 2045

Lai Châu là tỉnh biên giới xanh, văn minh, giàu bản sắc văn hoá, phát triển toàn diện, bền vững; bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới quốc gia, giữ vững an

ninh chính trị, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội. Phần đầu đưa Lai Châu trở thành tỉnh thuộc nhóm phát triển khá của vùng trung du và miền núi phía Bắc.

III- NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Đẩy mạnh công tác quán triệt, tuyên truyền, tạo sự đồng thuận trong triển khai thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW

- Đổi mới và nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền, phổ biến, học tập, quán triệt Nghị quyết số 11-NQ/TW, Chương trình hành động của Tỉnh ủy đến cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và nhân dân, tạo sự thống nhất cao trong nhận thức về vai trò, vị trí và tầm quan trọng của vùng trung du và miền núi Bắc Bộ; đổi mới tư duy phát triển và đẩy mạnh quyết tâm của các cấp, các ngành về thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, về liên kết vùng, phân bổ nguồn lực và khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế của tỉnh.

- Chủ động phối hợp chặt chẽ với các cơ quan thông tấn, báo chí Trung ương và chỉ đạo cơ quan báo chí địa phương trong tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết số 11-NQ/TW và Chương trình hành động của Tỉnh ủy; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và đa dạng các hình thức, phương thức truyền thông, tạo nhận thức sâu sắc về cơ hội, thách thức cũng như tiềm năng, lợi thế của tỉnh, vị thế mới của vùng trung du và miền núi Bắc Bộ.

2. Xây dựng, thực hiện cơ chế, chính sách, thể chế phát triển và liên kết vùng

- Hoàn thành, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và tổ chức triển khai hiệu quả Quy hoạch tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đảm bảo phù hợp, đồng bộ, thống nhất với Quy hoạch Vùng và quy hoạch của các địa phương trong vùng trung du và miền núi phía Bắc.

- Phát huy vai trò, trách nhiệm của tỉnh trong Hội đồng điều phối vùng trung du và miền núi phía Bắc. Tích cực rà soát, kiến nghị Trung ương sớm sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách hiện hành còn bất cập, nhất là chính sách tài chính, thuế đáp ứng các điều kiện đặc thù trong phát triển vùng; điều chỉnh tỷ lệ nguồn thu đối với các dự án thủy điện quan trọng và hoạt động xuất, nhập khẩu tại cửa khẩu theo hướng tăng tỷ trọng nguồn thu được phân bổ lại cho tỉnh, cơ chế chia sẻ nguồn nước giữa vùng trung du và miền núi phía Bắc với vùng đồng bằng Sông Hồng...; nghiên cứu, đề xuất Trung ương ban hành một số cơ chế, chính sách mới để thu hút thêm các nguồn lực cho phát triển; kịp thời cụ thể hóa các cơ chế, chính sách của Trung ương phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh.

- Triển khai thực hiện Chương trình hành động số 21-CT/TU ngày 05/7/2022 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW, ngày

24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Từng bước xây dựng hoàn chỉnh hệ thống các đô thị, tập trung phát triển đô thị theo hướng đô thị xanh, đô thị thông minh, bền vững, đô thị có khả năng chống chịu, thích ứng với biến đổi khí hậu. rà soát, tổ chức lập các quy hoạch phân khu, quy hoạch chung xây dựng, quy hoạch chi tiết, quy hoạch nông thôn đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ, tạo thuận lợi cho các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội; tập trung nguồn lực đầu tư, phấn đấu đạt phần lớn các tiêu chí để thành phố Lai Châu trở thành đô thị loại II sau năm 2030. Cải tạo và nâng cấp các đô thị hiện có, nâng đô thị Than Uyên, Tân Uyên, Phong Thổ, Tam Đường, Sìn Hồ lên đô thị loại IV; công nhận đô thị Nậm Tăm (huyện Sìn Hồ), Ma Lò Thành (huyện Phong Thổ), Phúc Than (huyện Than Uyên) là đô thị loại V.

- Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là kết cấu hạ tầng giao thông, hạ tầng số, công nghệ thông tin đồng bộ, hiện đại và thông minh để tạo đột phá, nền tảng cho phát triển nhanh, bền vững; thu hẹp khoảng cách về trình độ phát triển và thu nhập bình quân đầu người với các tỉnh trong vùng. Tập trung ưu tiên đầu tư các công trình giao thông quan trọng có tính kết nối vùng, liên vùng và kết nối với khu kinh tế cửa khẩu tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh, cụ thể: Hoàn thành tuyến đường nối thành phố Lai Châu với cao tốc Nội Bài - Lào Cai. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án hầm đường bộ qua đèo Hoàng Liên. Thu hút đầu tư Cảng hàng không Lai Châu tại huyện Tân Uyên. Tiếp tục hoàn thiện cơ sở hạ tầng khu vực cửa khẩu Ma Lò Thành. Đầu tư nâng cấp, cải tạo và mở mới một số tuyến đường giao thông nội tỉnh, tuyến khu vực biên giới như: đường liên vùng kết nối đường tỉnh 130 - Cửa khẩu quốc tế Ma Lò Thành, đường tỉnh 128, đường tỉnh 130, đường tỉnh 133, tuyến từ trung tâm huyện Phong Thổ đến cầu Phiêng Đanh, tuyến từ trung tâm huyện Tam Đường đến đường nối thành phố Lai Châu với cao tốc Nội Bài - Lào Cai, tuyến Nậm Lăn - Mốc 17, tuyến Ma Lò Thành - Vàng Ma Chải, đường liên vùng Pa Vệ Sủ - Pa Ủ,... Đầu tư cải tạo, nâng cấp các tuyến kết nối chính cơ bản đạt cấp IV; nâng cấp, cải tạo và mở mới các tuyến đường huyện, liên xã và đường tuần tra biên giới. Phấn đấu đến năm 2030, 100% các tuyến đường huyện và trên 80% các tuyến đường xã mặt đường được cứng hóa; 100% số thôn, bản có đường xe máy hoặc ô tô đi lại thuận lợi. Kêu gọi thu hút đầu tư xây dựng các bến cảng, bến thủy nội địa, nâng cao hiệu quả khai thác vận tải thủy trên các lòng hồ thủy điện Sơn La, Lai Châu,...; từng bước xây dựng và hoàn thiện cơ sở hạ tầng phục vụ vận tải và logistics.

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả các cơ chế, chương trình hợp tác với các địa phương đã ký kết, đồng thời mở rộng hợp tác với địa phương khác trên cơ sở bình đẳng, cùng có lợi và theo đúng pháp luật. Xây dựng và triển khai kế hoạch hành động chung theo các chương trình, dự án cụ thể, trong đó ưu tiên, tập trung vào các lĩnh vực: Hợp tác xây dựng các công trình liên tỉnh, liên vùng; hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch; công tác bảo vệ môi trường, bảo đảm an ninh nguồn nước; hình thành các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung, phát triển các sản phẩm nông nghiệp theo chuỗi liên kết, phát triển các sản phẩm nông nghiệp của vùng.

3. Phát triển kinh tế nhanh và bền vững

- Đẩy mạnh tăng trưởng gắn với chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh theo hướng kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn. Ứng dụng hiệu quả khoa học - công nghệ vào sản xuất. Triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 25/02/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về Chương trình chuyển đổi số tỉnh Lai Châu giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030. Hoàn thiện cập nhật kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Lai Châu phiên bản 2.0.

- Phát triển công nghiệp theo hướng hiện đại, theo cả chiều rộng và chiều sâu gắn kết với trung tâm các chuỗi liên kết phát triển sản phẩm trong vùng; ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp có tiềm năng, thế mạnh của tỉnh theo hướng chuyên sâu gồm: Sản xuất điện, chế biến nông lâm sản, khai thác và chế biến sâu khoáng sản, sản xuất vật liệu xây dựng,...; thu hút đầu tư xây dựng hạ tầng các khu, cụm công nghiệp theo quy hoạch; duy trì tốc độ tăng trưởng công nghiệp ở mức cao, tiếp tục là động lực cho tăng trưởng kinh tế của tỉnh. Phân đầu tốc độ tăng trưởng bình quân ngành công nghiệp giai đoạn 2021-2030 đạt trên 8%/năm.

- Phát triển ngành dịch vụ đa dạng, hiện đại, bền vững trên cơ sở khai thác tối đa thế mạnh của tỉnh; chú trọng xây dựng, phát triển bền vững dịch vụ logistics; tập trung đẩy mạnh phát triển kinh tế biên mậu, khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế của các cửa khẩu. Phân đầu tốc độ tăng tổng kim ngạch xuất nhập khẩu bình quân đạt 13%/năm. Nghiên cứu triển khai các thủ tục đề xuất mở cặp cửa khẩu khu vực Mốc 17, huyện Mường Tè/Việt Nam - huyện Giang Thành/Trung Quốc.

Phát triển du lịch Lai Châu trở thành ngành kinh tế quan trọng trong cơ cấu lĩnh vực dịch vụ của tỉnh, mở rộng và phát triển mạnh các sản phẩm du lịch như: trekking, leo núi, thể thao mạo hiểm, du lịch cộng đồng gắn với bảo tồn và phát huy giá trị bản sắc văn hóa của các dân tộc; ưu tiên phát triển các sản phẩm du lịch mới như: nghỉ dưỡng, chăm sóc sức khỏe và chữa bệnh, vui chơi giải trí,... Đẩy mạnh liên kết phát triển du lịch với các tỉnh lân cận trong

vùng và các tỉnh, thành phố lớn trong nước. Tiếp tục triển khai hiệu quả chương trình liên kết hợp tác phát triển du lịch giữa thành phố Hồ Chí Minh và 08 tỉnh Tây Bắc mở rộng; Lai Châu - Lào Cai, Lai Châu - thành phố Hà Nội; thiết lập hành lang du lịch an toàn giữa 12 tỉnh, thành phố (Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh, Ninh Bình, Nghệ An, Thanh Hóa, Hòa Bình, Sơn La, Hà Giang, Điện Biên, Điện Biên, Lào Cai, Lai Châu); 11 tỉnh có di sản Then và Lai Châu (Việt Nam) - 03 tỉnh Bắc Lào (Phông Sa Lý, U Đôm Xay, Luông Pha Bang); Lai Châu (Việt Nam) - huyện Kim Bình, Châu Hồng Hà, tỉnh Vân Nam (Trung Quốc). Phân đầu khách du lịch năm 2030 đạt trên 2 triệu lượt người.

- Phát triển nông nghiệp tích hợp đa giá trị, nông nghiệp hàng hóa tập trung, đa dạng theo chuỗi giá trị, nông nghiệp công nghệ cao, tuần hoàn, hữu cơ, xanh, sạch theo Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 22/02/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; tập trung phát triển một số sản phẩm chủ lực của tỉnh: Chè, sâm Lai Châu, mắc ca, các sản phẩm OCOP đặc hữu,...; phát triển trồng mới các giống chè chất lượng cao như Kim tuyên, PH8, Shan...; bảo tồn và phát triển vùng chè cổ thụ; giữ ổn định và đầu tư thâm canh diện tích chè trên 10.000 ha; diện tích mắc ca đạt khoảng 35.000 ha; hình thành một số vùng chuyên canh sản xuất các loại rau, củ quả; phát triển đạt 9.800 ha cây ăn quả tập trung. Tiếp tục thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 03/02/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển rừng bền vững giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; phát triển kinh tế rừng bền vững dựa trên nguyên tắc phát triển toàn diện và đồng bộ các hoạt động quản lý, bảo vệ, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng, trồng rừng, khai thác, chế biến, thương mại lâm sản, dịch vụ môi trường rừng gắn với du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng; xây dựng thí điểm một số mô hình quản lý rừng bền vững dựa vào cộng đồng; đẩy mạnh phát triển kinh tế dưới tán rừng, tạo sinh kế, nâng cao thu nhập cho người dân vùng có rừng và hưởng lợi từ rừng, góp phần bảo tồn đa dạng sinh học, đảm bảo an ninh quốc phòng và an ninh nguồn nước. Đánh giá và hoàn thiện các thủ tục thành lập khu rừng đặc dụng tại huyện Mường Tè để quản lý, bảo tồn các loài động vật, thực vật quý, hiếm, rừng biên giới. Trồng rừng mới, trồng lại rừng sau khai thác 20.000 ha, nâng tổng diện tích rừng trồng toàn tỉnh lên trên 40.000 ha.

Thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu xây dựng nông thôn mới, huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để xây dựng kết cấu hạ tầng xã hội vùng nông thôn, tập trung xây dựng nông thôn mới gắn với phát triển du lịch, mỗi xã một sản phẩm; nâng cao các tiêu chí tại xã đã đạt chuẩn, cải

thiện đời sống người dân nông thôn; từng bước thực hiện xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu và nông thôn mới cấp thôn, bản.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 20/5/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; tăng cường xúc tiến, thu hút đầu tư, huy động các nguồn lực trong xã hội, thúc đẩy đầu tư theo hình thức đối tác công tư, tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư nghiên cứu, triển khai thực hiện các dự án có quy mô lớn, có tính chất liên tỉnh, có tác động lan tỏa giúp đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Tổ chức thực hiện đổi mới cơ chế phân cấp, quản lý, phân bổ ngân sách nhà nước tạo sự chủ động của ngân sách cấp dưới, các cơ quan, đơn vị có liên quan. Ưu tiên bố trí nguồn vốn ngân sách Nhà nước cho các dự án quan trọng, cấp thiết, kết hợp với huy động các nguồn lực trong xã hội. Phân đầu tổng vốn đầu tư toàn xã hội giai đoạn 2021-2030 đạt khoảng 168 nghìn tỷ đồng.

- Tăng cường quản lý, sử dụng hiệu quả, tiết kiệm và bền vững các nguồn tài nguyên (đất, nước, khoáng sản). Bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn hồ đập, hồ chứa nước đối với các công trình thủy điện. Nâng cao chất lượng đánh giá tác động môi trường; phòng ngừa, kiểm soát các nguồn gây ô nhiễm môi trường, quản lý chặt chẽ việc xử lý rác thải sinh hoạt, rác thải y tế, rác thải công nghiệp. Tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả các chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh, đa dạng sinh học, về ứng phó với biến đổi khí hậu và phòng chống thiên tai.

4. Phát triển văn hóa - xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nhân lực trong đồng bào dân tộc thiểu số theo Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 15/3/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý người dân tộc thiểu số và cán bộ chủ chốt cấp xã giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030. Phát triển giáo dục theo hướng đảm bảo cơ hội tiếp cận giáo dục cơ bản cho mọi đối tượng. Tiếp tục thực hiện Đề án “Nâng cao chất lượng giáo dục vùng đặc biệt khó khăn” theo Kết luận số 112-KL/TU ngày 03/6/2021 của Tỉnh ủy. Cùng cố, kiện toàn mạng lưới trường, lớp học, đặc biệt là hệ thống trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông dân tộc nội trú; tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy và học; nâng cao chất lượng toàn diện giáo dục, đào tạo. Phân đầu tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia đạt 80%. Rà soát và đổi mới cơ chế hoạt động Trường Cao đẳng Cộng đồng,

Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên các huyện, từng bước tiến tới tự chủ tài chính theo lộ trình. Tiếp tục thực hiện hiệu quả chương trình khoa học và công nghệ phục vụ phát triển bền vững; đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ vào sản xuất kinh doanh.

- Phát triển hệ thống y tế tỉnh Lai Châu theo hướng hiện đại và bền vững. Tiếp tục thực hiện Đề án nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống y tế cơ sở theo Kết luận số 111-KL/TU ngày 03/6/2021 của Tỉnh ủy. Tăng cường năng lực y tế dự phòng và phòng, chống dịch bệnh. Nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh; phát triển nhân lực y tế về số lượng và chất lượng. Phát triển cơ sở hạ tầng đáp ứng nhu cầu sử dụng; bảo đảm trang thiết bị đầy đủ cho hệ thống y tế dự phòng, hệ thống khám chữa bệnh và phục hồi chức năng. Phát triển hệ thống y tế ngoài công lập phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và khu vực lân cận.

- Triển khai hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững theo Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 23/6/2021 của Ban Bí thư khóa XIII về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo bền vững đến năm 2030. Thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, chăm lo cho người có công, nghiên cứu cân đối nguồn ngân sách địa phương và huy động các nguồn tài trợ, viện trợ khác hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho một số nhóm đối tượng theo quy định; tạo điều kiện cho người nghèo, hộ nghèo tiếp cận tốt nhất các dịch vụ xã hội cơ bản. Nâng cao chất lượng đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm, phù hợp với chuyển dịch cơ cấu kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc gắn với phát triển du lịch theo Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 17/02/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh. Tập trung xây dựng văn hóa cơ sở gắn với xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh; kiện toàn, đổi mới hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa nhằm xây dựng môi trường văn hóa cơ sở, tạo ra các không gian văn hóa đa dạng phục vụ người dân.

- Tập trung triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 theo Nghị quyết 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019 của Quốc hội; Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ về Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo; kiên quyết đấu tranh với những hành vi lợi dụng tôn giáo vi phạm pháp luật, phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc.

5. Bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữ vững chủ quyền biên giới quốc gia

- Lãnh đạo, chỉ đạo quán triệt, thực hiện hiệu quả các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các nghị quyết, đề án, chỉ thị của Tỉnh ủy về quốc phòng, an ninh, về chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, đặc biệt là các nội dung liên quan đến phòng thủ dân sự, bảo vệ biên giới quốc gia, bảo vệ Tổ quốc trên không gian mạng, bảo vệ an ninh kinh tế trong điều kiện hội nhập quốc tế.

- Tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và nhân dân về phát triển kinh tế - xã hội kết hợp chặt chẽ với bảo đảm quốc phòng, an ninh và xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân. Tăng cường giáo dục quốc phòng, an ninh, xây dựng cơ sở vững mạnh, toàn diện, góp phần xây dựng thế trận lòng dân vững chắc.

- Thường xuyên tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh, xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc. Xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, chuyên nghiệp, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới. Tăng cường đầu tư các công trình lưỡng dụng; đầu tư xây dựng hiệu quả các công trình quốc phòng, khu vực phòng thủ tỉnh, huyện, các đường tuần tra biên giới, kè bảo vệ mốc quốc giới, kè bảo vệ bờ sông, suối biên giới; kịp thời tham mưu giải quyết có hiệu quả các sự kiện biên giới theo các văn kiện pháp lý về biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc. Đẩy mạnh công tác đối ngoại biên phòng với các lực lượng chức năng phía Trung Quốc, xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị, ổn định và phát triển. Tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình bố trí dân cư các vùng thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh.

- Giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, chủ động phòng ngừa và đấu tranh, ngăn chặn, vô hiệu hóa mọi âm mưu “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch. Bổ sung nguồn lực theo khả năng cân đối của ngân sách nhà nước nhằm tăng cường xây dựng lực lượng công an xã, thị trấn đủ sức giải quyết các vấn đề an ninh, trật tự ngay từ đầu và tại cơ sở; xây dựng thế trận an ninh nhân dân kết hợp chặt chẽ với thế trận quốc phòng toàn dân. Phát huy vai trò người có uy tín, chức sắc tôn giáo trong giải quyết các vấn đề phức tạp nảy sinh. Tập trung đấu tranh đấu tranh, ngăn chặn, trấn áp các loại tội phạm, nhất là tội phạm xuyên quốc gia, xuyên biên giới, tội phạm hình sự, tội phạm trên lĩnh vực kinh tế, ma túy, mua bán người, đẩy lùi tệ nạn xã hội, đảm bảo giữ vững an ninh, trật tự an toàn xã hội.

6. Tập trung xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh

- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của các cấp chính quyền. Tiếp tục quán triệt, triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII và Kết luận số 21-KL/TW của Bộ Chính trị về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn đảng và hệ thống chính trị gắn với Chỉ thị số 05-CT/TW, Kết luận số 01-KL/TW của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

- Quan tâm giáo dục chính trị tư tưởng, nâng cao đạo đức cách mạng cho đội ngũ cán bộ, đảng viên và thế hệ trẻ. Tiếp tục sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của các cơ quan trong hệ thống chính trị theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII. Chú trọng nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị cơ sở. Duy trì chi bộ đảng tại các thôn, bản vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp đảm bảo về chất lượng, có số lượng, cơ cấu hợp lý, có sự chuyên giao, kế thừa chặt chẽ giữa các thế hệ; quan tâm đào tạo, bồi dưỡng lớp cán bộ kế cận, cán bộ nữ, cán bộ là người dân tộc thiểu số và đội ngũ cán bộ cơ sở. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, nội chính, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; siết chặt kỷ luật, kỷ cương, nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương trong chỉ đạo triển khai thực hiện nhiệm vụ.

- Thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giám sát, phản biện xã hội, tuyên truyền, vận động, tập hợp đoàn viên, hội viên và nhân dân chấp hành tốt các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, tích cực tham gia xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị. Tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc, phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị, sự đồng thuận của nhân dân trong triển khai thực hiện các nhiệm vụ chính trị của tỉnh.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, Ban Thường vụ Tỉnh đoàn, các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức quán triệt Chương trình hành động tới toàn thể cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và nhân dân; xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao.

2. Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện hiệu quả các mục tiêu tại Nghị quyết

số 11-NQ/TW và Chương trình hành động này gắn với việc thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hằng năm của tỉnh; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện; định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

3. Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh đoàn tăng cường tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và nhân dân về mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp trong Chương trình hành động này, tạo sự đồng thuận cao trong triển khai thực hiện.

4. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn công tác tuyên truyền, quán triệt Nghị quyết số 11-NQ/TW và Chương trình hành động này.

Nơi nhận:

- Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng,
- Văn phòng Trung ương Đảng,
- Ban Kinh tế Trung ương,
- Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, BTV Tỉnh đoàn,
- Các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc,
- Các sở, ban, ngành tỉnh,
- Các đ/c Tỉnh ủy viên,
- Lưu VPTU.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ**



Lê Văn Lương



BIỂU PHÂN CÔNG TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

(Kèm theo Chương trình hành động số 26-CTr/TU, ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW và Chương trình hành động của Tỉnh ủy	Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy	Các cấp ủy đảng trực thuộc Tỉnh ủy, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh	Năm 2022
2	Xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW và Chương trình hành động của Tỉnh ủy phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao	Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, Ban Thường vụ Tỉnh đoàn, các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc	Các cấp ủy đảng trực thuộc Tỉnh ủy, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh	Quý I năm 2023
3	Tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả các chương trình, đề án, nghị quyết của Tỉnh ủy về phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh	Ban cán sự đảng UBND tỉnh	Các cấp ủy đảng trực thuộc Tỉnh ủy	Hàng năm

4	Xây dựng kế hoạch, chương trình và tổ chức chức hiện các Đề án tại Nghị quyết số 96/NQ-CP ngày 01/8/2022 của Chính phủ	Ban cán sự đảng UBND tỉnh	Các cấp ủy đảng trực thuộc Tỉnh ủy	Sau khi Thủ tướng Chính phủ phê duyệt
5	Tổ chức triển khai thực hiện Quy hoạch tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Ban cán sự đảng UBND tỉnh	Các cấp ủy đảng trực thuộc Tỉnh ủy	2022-2030
6	Đầu tư xây dựng các công trình trọng điểm, có tính liên kết vùng			
-	Dự án Đường nối thành phố Lai Châu với cao tốc Nội Bài - Lào Cai	Ban cán sự đảng UBND tỉnh	Các cấp ủy đảng trực thuộc Tỉnh ủy	2022-2025
-	Dự án hầm đường bộ qua đèo Hoàng Liên	Ban cán sự đảng UBND tỉnh	Các cấp ủy đảng trực thuộc Tỉnh ủy	2022-2025
-	Dự án Cảng hàng không Lai Châu	Ban cán sự đảng UBND tỉnh	Các cấp ủy đảng trực thuộc Tỉnh ủy	2022-2030
-	Mở cặp cửa khẩu Khu vực Mốc 17 huyện Mường Tè/Việt Nam - huyện Giang Thành/Trung Quốc	Ban cán sự đảng UBND tỉnh	Các cấp ủy đảng trực thuộc Tỉnh ủy	2023-2025
-	Đầu tư xây dựng đường tuần tra biên giới, kè bảo vệ mốc Quốc giới, kè bảo vệ bờ sông, suối biên giới, hàng rào biên giới	Ban cán sự đảng UBND tỉnh	Các cấp ủy đảng trực thuộc Tỉnh ủy	2022-2030

7	Rà soát, kiến nghị Trung ương sớm điều chỉnh, bổ sung các cơ chế, chính sách hiện hành còn bất cập đáp ứng các điều kiện đặc thù trong phát triển vùng; kịp thời cụ thể hóa các cơ chế, chính sách của Trung ương	Ban cán sự đảng UBND tỉnh	Các cấp ủy đảng trực thuộc Tỉnh ủy	2022-2030
8	Nghiên cứu đề xuất ban hành cơ chế chính sách ưu đãi, đặc thù đối với các ngành, lĩnh vực	Ban cán sự đảng UBND tỉnh	Các cấp ủy đảng trực thuộc Tỉnh ủy	2022-2030
9	Tập trung xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	Các cấp ủy đảng trực thuộc Tỉnh ủy, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh	Hằng năm
10	Thực hiện theo dõi, kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW và Chương trình hành động của Tỉnh ủy	Ban cán sự đảng UBND tỉnh	Các cấp ủy đảng trực thuộc Tỉnh ủy	Hằng năm và theo quy định